

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ tháng 9 năm 2021

%

	Tháng 9 năm báo cáo so với				Bình quân quý III năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020	Bình quân 9 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020
	Kỳ gốc năm 2019	Tháng 9 năm 2020	Tháng 12 năm 2020	Tháng 8 năm 2021		
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	104,55	102,46	102,04	99,28	103,06	102,81
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	107,97	102,11	102,26	99,71	102,10	102,67
<i>Trong đó:</i> Lương thực	110,73	105,83	104,49	100,46	106,08	108,28
Thực phẩm	109,97	101,41	101,98	99,40	101,53	101,72
Ăn uống ngoài gia đình	101,47	101,44	101,52	100,00	100,93	101,48
Đồ uống và thuốc lá	105,71	102,65	102,64	101,38	101,40	101,22
May mặc, mũ nón và giày dép	104,71	101,61	101,18	100,00	101,65	101,75
Nhà ở và vật liệu xây dựng	103,57	100,86	99,16	95,59	104,82	103,96
Thiết bị và đồ dùng gia đình	102,56	100,26	100,25	100,03	100,38	100,90
Thuốc và dịch vụ y tế	100,15	100,07	100,04	100,01	100,08	100,10
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ y tế	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
Giao thông	102,52	115,77	113,31	99,85	115,96	109,59
Bưu chính viễn thông	99,41	99,39	99,50	100,00	99,39	99,50
Giáo dục	101,67	100,01	100,00	100,00	100,43	100,61
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ giáo dục	101,76	100,00	100,00	100,00	100,47	100,62
Văn hoá, giải trí và du lịch	101,18	99,28	99,57	100,00	99,32	98,96
Hàng hóa và dịch vụ khác	102,78	101,04	100,95	100,06	101,20	102,29
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	126,28	96,95	97,96	100,29	99,68	111,25
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	98,48	98,31	98,35	99,38	98,84	99,01